

## HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

**QUYẾT ĐỊNH** của Hội đồng Bộ trưởng số 141-HĐBT ngày 6-9-1988 về sửa đổi tỷ lệ điều tiết một số khoản thu về thuế cho ngân sách địa phương.

### HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Đề thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ II Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI); Nghị quyết của Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ ba, và đề điều hòa hợp lý một số khoản thu giữa các cấp ngân sách, góp phần giảm bội chi ngân sách;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

#### QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. - Nay quy định tỷ lệ điều tiết cho ngân sách địa phương một số khoản thu về thuế áp dụng chung cho tất cả các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương như sau :

— Thuế công thương nghiệp : 50% mức thuế thực thu.

— Thuế nông nghiệp : 50% mức thuế thực thu (trong đó 10% để lại cho ngân sách xã bằng hiện vật ; 40% để lại cho ngân sách tỉnh và huyện bằng tiền, tính theo giá thóc trong Quyết định số 161-CT ngày 24-5-1988 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng).

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1988.

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể và bàn với Ủy ban Nhân dân các địa phương thực hiện Quyết định này.

Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. - Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước và thủ trưởng

các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

VÔ VĂN KIẾT

**NGHỊ ĐỊNH** của Hội đồng Bộ trưởng số 146 - HĐBT ngày 24-9-1988 về việc bổ sung, sửa đổi một số điểm trong các bản Quy định ban hành kèm theo Nghị định số 27-HĐBT và số 28-HĐBT ngày 9-3-1988 của Hội đồng Bộ trưởng.

### HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 15-7-1988 của Bộ Chính trị về đổi mới các chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương,

#### NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1. - Nay bổ sung, sửa đổi một số điểm trong các bản Quy định ban hành kèm theo Nghị định số 27-HĐBT và số 28-HĐBT ngày 9-3-1988. như sau :

## I. VỀ BẢN QUY ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 27-HĐBT

1. Bổ sung vào cuối gạch đầu dòng thứ hai của điểm 1, điều 2 một đoạn như sau: có thể thuê mượn thêm lao động thời vụ.

2. Điểm 3 của điều 2 được sửa lại và thay bằng điểm 3 mới như sau:

Điểm 3 mới: Xí nghiệp tư bản sản xuất công nghiệp (gọi tắt là xí nghiệp tư doanh) là đơn vị do một hoặc nhiều nhà tư sản dân tộc cùng góp vốn để tổ chức sản xuất kinh doanh dưới hình thức Xí nghiệp tư doanh hoặc Công ty tư doanh, Công ty cổ phần, tổ hợp tư doanh, với quy mô không hạn chế.

Các xí nghiệp này được thuê mượn lao động theo nhu cầu sản xuất và kỹ thuật.

3. Thay điều 3 bằng điều 3 mới như sau:

Điều 3 mới: Các đơn vị kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai có quyền ép buộc, có quyền xin tự giải thể, xin chuyển thành các đơn vị kinh tế tập thể, công tư hợp doanh. Các đơn vị này hoàn toàn tự chủ trong việc quyết định tham gia hay không tham gia các hình thức liên hiệp sản xuất, liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế khác.

Trong trường hợp có nhu cầu, các đơn vị kinh tế này có quyền tự nguyện liên kết với cơ sở quốc doanh để mở rộng sản xuất, phân công lao động và chuyên môn hóa sản xuất. Có thể thành lập các hình thức liên hiệp sản xuất gồm các đơn vị kinh tế một ngành hay nhiều ngành thuộc các thành phần kinh tế khác nhau hoặc các trung tâm dịch vụ sản xuất, các công ty dịch vụ, các cơ sở cung ứng và tiêu thụ chung cho các thành viên, v.v...

4. Bổ sung vào cuối điều 7 một đoạn như sau: Không được giao chỉ tiêu pháp lệnh cho các đơn vị kinh tế này.

5. Bổ sung vào cuối điều 22 một đoạn như sau: Nhà nước có chính sách khuyến khích, khen thưởng thích đáng đối với những nghệ nhân giỏi (như tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân xuất sắc, tặng giải thưởng «đôi tay vàng»...). Viện Thi đua và khen thưởng Nhà nước trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định hoặc đề Hội đồng Bộ trưởng trình Hội đồng Nhà nước quyết định việc khen thưởng theo quy định này.

6. Bổ đoạn: «Số lao động tối đa được thuê theo từng ngành nghề do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương quy định cụ thể phù hợp với điều kiện của địa phương trong điều 25».

7. Thay điều 28 bằng điều 28 mới như sau:

Điều 28 mới: «Bộ Lao động — Thương binh và xã hội, Bộ Tài chính, Tổng Công đoàn Việt Nam nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định chính sách bảo hiểm xã hội và tổ chức để quản lý việc bảo hiểm xã hội đối với công nhân, nhân viên làm việc trong các đơn vị kinh tế này.

Người lao động thuộc tất cả các thành phần kinh tế đều được hưởng các phúc lợi công cộng của toàn dân».

## II. VỀ BẢN QUY ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 28-HĐBT

1. Thay điều 5 bằng điều 5 mới như sau:

Điều 5 mới: Kinh tế tập thể tổ chức theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi, do các thành viên là những người lao động tự góp vốn, góp sức lao động cùng nhau tiến hành sản xuất, kinh doanh, thực hiện những dịch vụ phù hợp với khả năng và nhu cầu xã hội.

Tất cả các đơn vị kinh tế tập thể đang hoạt động, hay mới thành lập, đều có quyền tự lựa chọn một trong hai hình thức

Tổ chức chủ yếu nêu dưới đây, có thể xin giải thể, thay đổi quy mô hoặc thay đổi hình thức tổ chức cho phù hợp, không ai được gò ép.

#### a) Hợp tác xã.

— Tư liệu sản xuất và các vốn khác thuộc sở hữu tập thể chiếm phần lớn trong tổng số vốn của hợp tác xã và ngày càng phát triển bằng quỹ tích lũy trích từ lợi nhuận. Ngoài ra, hợp tác xã có thể gọi cổ phần của xã viên và của những người ngoài hợp tác xã để phát triển sản xuất.

— Chủ nhiệm và Ban Quản trị hợp tác xã do Đại hội xã viên bầu ra.

— Việc sản xuất kinh doanh phải theo Điều lệ hợp tác xã và nghị quyết của Đại hội xã viên.

— Thu nhập của xã viên được phân phối theo lao động và theo cổ phần. Tỷ lệ cụ thể do Đại hội xã viên quyết định.

— Vốn cổ phần được chia lợi nhuận theo quyết định của Đại hội xã viên.

b) Tổ hợp tác. Là đơn vị kinh tế tập thể quy mô nhỏ, có một phần tư liệu sản xuất và các vốn bằng tiền là sở hữu tập thể ngày càng phát triển bằng quỹ tích lũy trích từ lợi nhuận.

Các tổ, đội sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trong hợp tác xã nông nghiệp, khi tách ra, có thể thành lập tổ hợp tác hoặc hợp tác xã sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

2. Thay điều 6 bằng điều 6 mới như sau :

Điều 6 mới : Nhà nước khuyến khích các đơn vị kinh tế tập thể phát triển từ hình thức thấp đến hình thức cao, trên cơ sở phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, bảo đảm hiệu quả sản xuất kinh doanh ngày càng cao hơn. Các đơn vị kinh tế tập thể hoàn toàn tự chủ trong việc quyết

định tham gia hay không tham gia các hình thức liên hiệp sản xuất, liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế khác.

Trong trường hợp có nhu cầu, các đơn vị kinh tế tập thể có quyền tự nguyện liên kết với cơ sở quốc doanh để mở rộng sản xuất, phân công lao động và chuyên môn hóa sản xuất. Có thể thành lập các hình thức liên hiệp sản xuất gồm các đơn vị kinh tế một ngành hay nhiều ngành thuộc các thành phần kinh tế khác nhau hoặc các trung tâm dịch vụ sản xuất, các công ty dịch vụ, các cơ sở cung ứng và tiêu thụ chung cho các thành viên, v.v...

3. Bổ sung vào cuối điều 9 một đoạn như sau : không được giao chỉ tiêu pháp lệnh cho các đơn vị kinh tế này.

4. Bổ sung vào cuối điều 19 một đoạn như sau : các hợp tác xã có đủ điều kiện do Nhà nước quy định và được phép của Nhà nước được đặt quan hệ trực tiếp với các tổ chức kinh tế nước ngoài.

Bộ Kinh tế đối ngoại phải cụ thể hóa điều này và hướng dẫn thực hiện.

5. Thay điều 24 bằng điều 24 mới như sau :

Điều 24 mới : Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, các đơn vị kinh tế tập thể tự quyết định phân phối và sử dụng thu nhập phù hợp với điều lệ của đơn vị. Trong đó, chú trọng tích lũy để mở rộng sản xuất, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động và có phần thích đáng phân phối theo vốn cổ phần.

6. Bổ sung vào cuối điều 28 một đoạn như sau : Nhà nước có chính sách khuyến khích, khen thưởng thích đáng đối với những nghệ nhân giỏi (như tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân xuất sắc, tặng giải thưởng «đôi tay vàng»...). Viện Tni đưa và khen thưởng Nhà nước trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định hoặc đề Hội

đồng Bộ trưởng trình Hội đồng Nhà nước quyết định việc khen thưởng theo quy định này.

7. Bổ sung vào cuối điều 33 một đoạn như sau: Bộ Lao động — Thương binh và xã hội, Bộ Tài chính, Tổng Công đoàn Việt Nam nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định chính sách bảo hiểm xã hội và tổ chức đề quản lý việc bảo hiểm xã hội đối với công nhân, nhân viên làm việc trong các đơn vị sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh.

Điều 2. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

Chủ tịch

**ĐỖ MUỘI**

**QUYẾT ĐỊNH** của Hội đồng Bộ trưởng số 149 — HĐBT ngày 27-9-1988 về việc phân vạch lại địa giới hành chính một số xã, thị trấn của các huyện Thanh Hưng, Châu Thành và Hồng Ngự thuộc tỉnh Đồng Tháp.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Quyết định số 64B-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 12-9-1981;

Xét đề nghị của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Ban Tổ chức của Chính phủ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. — Nay phân vạch lại địa giới hành chính một số xã, thị trấn của các huyện Thanh Hưng, Châu Thành và Hồng Ngự thuộc tỉnh Đồng Tháp như sau:

### A. Huyện Thanh Hưng

1. Chia xã Mỹ An Hưng thành 2 xã lấy tên là xã Mỹ An Hưng A và xã Mỹ An Hưng B:

— Xã Mỹ An Hưng A có 1.232 héc-ta diện tích tự nhiên và 9.720 nhân khẩu.

Địa giới xã Mỹ An Hưng A ở phía đông và đông nam giáp xã Mỹ An Hưng B; phía tây và tây nam giáp các xã Hội An Đông và Bình Thạnh Trung; phía tây bắc giáp huyện Chợ Mới thuộc tỉnh An Giang; phía bắc và đông bắc giáp sông Tiền Giang và thị xã Cao Lãnh.

— Xã Mỹ An Hưng B có 1.730 héc-ta diện tích tự nhiên và 11.053 nhân khẩu.

Địa giới xã Mỹ An Hưng B ở phía đông giáp xã Tân Mỹ; phía tây và tây bắc giáp các xã Bình Thạnh Trung và Mỹ An Hưng A; phía nam giáp xã Vĩnh Thạnh; phía bắc giáp sông Tiền Giang và thị xã Cao Lãnh.

2. Chia xã Phước Thành thành 2 xã lấy tên là xã Tân Phước và xã Tân Thành:

— Xã Tân Phước có 1.561 héc-ta diện tích tự nhiên và 11.362 nhân khẩu.

Địa giới xã Tân Phước ở phía đông giáp xã Long Hậu; phía tây giáp xã Định Yên; phía nam giáp xã Tân Thành; phía bắc giáp xã Vĩnh Thạnh.

— Xã Tân Thành có 1.850 héc-ta diện tích tự nhiên và 13.853 nhân khẩu.

Địa giới xã Tân Thành ở phía đông giáp xã Long Hậu; phía tây và tây nam giáp sông Hậu Giang; phía bắc giáp xã Tân Phước,